ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Tên tiếng Anh: **Tourism**

Mã ngành : **7810101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

(Ban hành theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

Đồng Tháp, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo 3
2. Thông tin về chương trình đào tạo 3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo 3
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo 4
3. Chuẩn đầu vào 4
4. Cấp bằng tốt nghiệp 4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 4
1. Mục tiêu cụ thể 4
2. Chuẩn đầu ra 6
2.1. Kiến thức 6
2.2. Kỹ năng 6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm 6
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 7
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7
1. Cấu trúc chương trình đào tạo 7
2. Khung chương trình đào tạo 7
3. Mô tả học phần 11
4. Sơ đồ đào tạo 33
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 33
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy 33
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập 33
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo 35
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo 42
10. Thông tin cập nhật 42

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế - Luật là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 10 năm 2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Khoa KTL có 06 bộ môn (BM): BM Kế toán, BM Tài chính, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng của Khoa KTL được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.

- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.

- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Du lịch**

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: **Du lịch**

+ Tiếng Anh: **Tourism**

- Mã ngành: 7810101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Du lịch**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism**

- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch Trường Du lịch - Đại học Huế,

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; sáng tạo, có thể nhận ra và phát huy tiềm năng của bản thân.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức tổng quát về chính trị, pháp luật, xã hội, tự nhiên, giáo dục thể chất, quốc phòng; kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, văn hóa, lịch sử, tin học và kiến thức chuyên sâu, nghiệp vụ và kỹ năng chuyên ngành về du lịch, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, thuyết trình, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

3. Chuẩn đầu vào

- Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng, khoa học tự nhiên, môi trường, tin học để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực có liên quan đến du lịch, nhà hàng, khách sạn.

PO02: Có kiến thức nền tảng về ngoại ngữ, kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội.

PO03: Có kiến thức chuyên sâu về vận hành, quản lý các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn và các nghiệp vụ có liên quan đến chuyên ngành Du lịch

1.2. Kỹ năng

PO04. Vận dụng kiến thức liên ngành kinh tế, văn hóa xã hội, lịch sử và các kỹ năng cần thiết khác để giải quyết vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

PO05: Có năng lực số, kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, và làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập có hiệu quả.

PO06: Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo, giải quyết được các tình huống phát sinh trong công việc có liên quan đến lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, có thể đề xuất những giải pháp để giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO07: Phát huy năng lực tự chủ, tự học, hội nhập, sáng tạo.

PO08: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và có trách nhiệm với nghề nghiệp, xã hội, cộng đồng.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Đảm nhận các vị trí trong một đơn vị lữ hành trong và ngoài nước: Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên kinh doanh du lịch, điều hành chương trình du lịch.

- Đảm nhận các vị trí trong một cơ sở lưu trú, nhà hàng, resort trong và ngoài nước: Lễ tân, bàn, bar, buồng, giám sát.

- Quản lý trong các đơn vị kinh doanh du lịch, lữ hành, lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí trong nước và quốc tế.

- Chuyên viên phụ trách hoặc quản lý tại các Sở, Phòng, Ban, Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

- Nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch; Tư vấn viên và cố vấn các đề tài, đề án, dự án thuộc về du lịch.

- Là giáo viên, giảng viên tại các Trường, cơ sở đào tạo về du lịch khi học bổ sung các chứng chỉ sư phạm.

- Khởi nghiệp trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành du lịch.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Tiếp tục học bổ sung một số học phần để đạt được văn bằng 2, hoặc theo học

nâng cao các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc chuyên ngành du lịch và các ngành học khác ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, năng lực số, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực du lịch

K02: Vận dụng kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội đáp ứng công việc ngành du lịch

K03: Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, buồng, bàn, bar và các kiến thức về kinh doanh du lịch

K04. Phân tích tổng hợp các kiến thức về vùng, miền, điểm du lịch, tài nguyên du lịch, tour, tuyến điểm du lịch.

K05: Vận dụng kiến thức về điều hành, quản lý kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn để tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực du lịch có hiệu quả.

2.2. Kỹ năng

S01. Kỹ năng phản biện và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

S03: Kỹ năng giao tiếp.

S04: Kỹ năng lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, thời gian, đánh giá hoạt động của hoạt dộng kinh doanh du lịch, khởi nghiệp.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.

A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành du lịch và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Phát huy năng lực tự chủ, tự học.

A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, thái độ làm việc phù hợp, cầu tiến.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
PO01	x	x										
PO02	x	x		x								
PO03			x	x	x							
PO04						x	x	x	x			
PO05	x					x	x	x		x		
PO06						x			x			
PO07										x	x	x
PO08										x	x	x

Ghi chú: dấu (x) *thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.*

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	0	35	27,5
2	Kiến thức cơ sở ngành	19	0	19	15
3	Kiến thức ngành	49	0	49	38,6
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	8	26	26	6,2
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	10	0	10	7,9
6	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp, Chuyên đề/ Đồ án cuối khóa	6	12	12	4,7
Tổng cộng		**127**	**38**	**151**	**100%**

2. Khung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
2.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương									
2.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							**11**	**11**	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
2.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							**9**	**9**	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
05022	Cơ sở Văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
06022	Lịch sử văn minh thế giới	30					2	2	
06053	Lịch sử Việt Nam	30	30				3	3	
2.1.3. Ngoại ngữ									
2.1.3.1. Học phần điều kiện (*)							**6**	**6***	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							**12**	**12**	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024+
08044	English 3	60					4	4	08034+
2.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường							**3**	**3**	
30093	Kỹ năng số	15	0	60			3	3	
2.1.5.Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							**9**	**3***	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh*							**8**	**8***	
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							**35**	**35**	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							**19**	**19**	
72003	Tổng quan du lịch	40	10				3	3	
73682	Luật du lịch và đạo đức kinh doanh	25	10				2	2	71012+
73523	Tài nguyên và môi trường du lịch	40		10			3	3	
73613	Tâm lý du khách	40	10				3	3	
73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	20	10	10			2	2	
73583	Kinh tế du lịch	40	10				3	3	
73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	35	10	10			3	3	72003+
2.2. Kiến thức ngành							**49**	**49**	
72063	Marketing du lịch	40	10				3	3	
73692	Tuyến điểm du lịch	25	10				2	2	
73543	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	35	10	10			3	3	72463+
72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	30	10	20			3	3	73692+
72403	Quản trị kinh doanh lữ hành	40	10				3	3	73543+
73313	Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Thế giới	30		30			3	3	05022+
72043	Nghiệp vụ lễ tân	30	10	20			3	3	
72052	Nghiệp vụ buồng	15		30			2	2	
73553	Quản trị nhân lực du lịch	40	10				3	3	
72614	Quản trị nhà hàng - khách sạn	35	10	40			4	4	72043+ 72052+
73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	40	10				3	3	
73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	40	10				3	3	
73572	Thương mại điện tử trong du lịch	20		20			2	2	
73702	Kế toán chuyên ngành du lịch	27	6				2	2	
73732	Du lịch cộng đồng	25	10				2	2	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	50	10	10			4	4	
07624	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	50	10	10			4	4	07604+
2.2.3. Kiến thức bổ trợ							**26**	**8**	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							***12***	***4***	
72272	Văn hóa du lịch	25	10				2	4	
04372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	30					2		
73722	Địa lý Việt Nam	25	10				2		
73752	Phát triển sản phẩm du lịch	25	10				2		
73772	Marketing nhà hàng - khách sạn	25	10				2		
73742	Phương pháp xây dựng thực đơn	25	10				2		
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							***14***	***4***	
73782	Quản trị thực phẩm đồ uống	25	10				2	4	
73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	25	10				2		
72692	Y tế trong du lịch	20		20			2		
73762	Team building và hoạt náo	15		30			2		
73662	Khởi sự doanh nghiệp trong du lịch	25	10				2		
73712	Bảo tồn di sản Việt Nam	25	10				2		
73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	25	10				2		
2.2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, *Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận*							**22**	**16**	
2.2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế							***10***	***10***	
73501	Thực tế 1				45		1	1	
73511	Thực tế 2				45		1	1	73501+
73602	Thực tế 3				90		2	2	73511+
72703	Thực tập nghề nghiệp 1				135		3	3	
72713	Thực tập nghề nghiệp 2				135		3	3	72703+
2.2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							***12***	***6***	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
72944	Thực tập chuyên đề cuối khóa					180	4	6	72713+
72952	Chuyên đề	25	10				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
72966	Khóa luận cuối khóa (Du lịch)					360	6	6	72713+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							**116**	**92**	
Số tín chỉ tổng cộng: 151 TC, số tín chỉ tích luỹ tối thiểu: 127 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện:

- Đối với các học phần điều kiện General English 1, General English 2: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ thống tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)$^{+\cdot}$

3. Mô tả học phần:

3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác-Lênin, người học có khả năng giải thích, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản của môn khoa học này: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; giải thích và minh họa được vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Thực hiện được một số thao tác cụ thể như: phản biện, xác định và khái quát hóa vấn đề; tái hiện được những thông tin đã tiếp nhận và xử lý được các tình huống trong thuyết trình và giao tiếp đạt hiệu quả. Nhận biết được sự cần thiết thực hiện công việc một cách độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong những điều kiện thay đổi nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về kinh tế chính trị Mác-Lênin; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp

hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin và tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, người học có thể trình bày, giải thích và lý giải được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng xác định, thực hiện và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống; củng cố niềm tin về chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ, xây dựng đất nước hiện nay.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị),* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh(2006), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212), 2 TC

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có khả năng trình bày, giải thích, khái quát hoá và tóm tắt được kiến thức của môn học; có khả năng vận dụng kiến thức để nhận định, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; giữ vững lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1995 - 2018), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật đại cương, người học biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Minh Toàn, *Giáo trình Pháp luật đại cương,* NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

[2] Nguyễn Văn Động, Đinh Ngọc Thắng, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020.

3.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam A (5022)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: khái niệm văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân, văn hóa ứng xử môi trường tự nhiên, xã hội..

- Sách, giáo trình chính:

Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo dục, 1999.

3.8. Lịch sử văn minh thế giới (6022)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử văn minh thế giới, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về các nền văn minh lớn của nhân loại như Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ, Hi Lạp, La Mã, Tây Âu và nền văn minh công nghiệp hiện đại; từ đó hình thành thái độ trân trọng các giá trị di sản, yêu nghề, yêu thiên nhiên và nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đào Tấn Thành, Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2023.

[2] Will Durant, Lịch Sử Văn Minh Thế Giới, Naà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2023.

[3] Vũ Dương Minh, Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục, 2018.

3.9. Lịch sử Việt Nam (6053)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp kiến thức một cách khái quát và có hệ thống về lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay, bao gồm những kiến thức về chính trị,

thành tựu về kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, đấu tranh bảo vệ tổ quốc; Khái quát quá trình hình thành các quốc gia đầu tiên trên đất Việt Nam; văn minh sông Hồng; cuộc đấu tranh nghìn năm chống Bắc thuộc, giành độc lập của Việt Nam. Quá trình xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến Đại Việt (từ X-XVI), chủ yếu về chính trị, kinh tế, văn minh Đại Việt thời Lý - Trần, Lê; sự nghiệp giữ nước dân tộc Việt Nam.

Hiểu và vận dụng tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam trong các cuộc đấu tranh của nông dân, đặc biệt phong trào Tây Sơn, lý giải chiến công và các di tích văn hóa - lịch sử; xã hội Việt Nam thời Nguyễn đến năm 1858. Tình hình Việt Nam từ giữa XIX-1945; cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, trào lưu dân tộc dân nghĩa và cuộc vận động giải phóng dân tộc.

Hiểu khái quát lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn 1945-1954 ; 1954-1975; 1975 - nay.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Huỳnh Đức Thiện, Giáo trình Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nhà Xuất Bản Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022.

[2] Vũ Minh Giang, Lịch Sử Việt Nam - Truyền Thống Và Hiện Đại, NXB Tri Thức, Hà Nội, 2025.

3.10. Kỹ năng số (30093)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng số, người học có được kiến thức và kỹ năng để phát triển năng lực số đáp ứng Khung năng lực số cho người học được ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung chính của học phần Kỹ năng số bao gồm: 1) Khai thác dữ liệu và thông tin: trình bày và sử dụng thành thạo các công cụ số để tìm kiếm, xử lý và quản lý thông tin; 2) Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong môi trường số: giao tiếp và hợp tác hiệu quả qua công nghệ số, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và thế hệ, tích cực tham gia các dịch vụ công và xã hội số, đồng thời đảm bảo thông tin cá nhân an toàn, hành vi số phù hợp và xây dựng hình ảnh cá nhân tích cực trên môi trường mạng; 3) Sáng tạo nội dung số cơ bản: tạo và chỉnh sửa nội dung số, kết hợp thông tin mới vào tri thức sẵn có, trình bày được bản quyền số và biết cách đưa ra các hướng dẫn có thể hiểu được cho hệ thống máy tính; 4) An toàn: thực hiện các biện pháp bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân, có nhận thức về an ninh mạng; 5) Giải quyết vấn đề trong môi trường số: nhận diện và giải quyết vấn đề trong môi trường số, sử dụng được các công cụ kỹ thuật số để đổi mới quy trình và sản phẩm, đồng thời cập nhật sự phát triển của công nghệ số; 6) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: mô tả các kiến thức cơ bản về AI, khả năng nhận diện và sử dụng, đánh giá các công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập, làm việc và đời sống số một cách hiệu quả và có đạo đức. Học phần kỹ năng số giúp người học có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc

học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bài giảng Kỹ năng số, *Nhóm biên soạn Kỹ năng số thuộc khoa Kỹ thuật Công nghệ*, Trường Đại học Tiền Giang, 2025.

[2] Đỗ Văn Hùng, *Năng lực số,* Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2022.

[3] Thông tư số 02/2025/TT-BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Khung năng lực số cho người học.

[4] Quyết định 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

3.11. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 1, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến chủ đề về tính từ miêu tả đặc tính cá nhân, đồ dùng học tập, thức ăn, động lực; biết cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, thì tương lai đơn, trạng từ chỉ thói quen và các đại từ không xác định. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến miêu tả tính cách, kỷ niệm, bài báo nói về nguồn gốc thức ăn, những người leo núi, nghe một nhà thám hiểm nói về kỷ niệm ở trường học và miêu tả tính cách, bài phỏng vấn chủ nhà hàng, bài nói về động lực và đồng thời rèn luyện kỹ năng viết miêu tả thông tin cá nhân, kể một câu chuyện, miêu tả công thức nấu ăn, viết trên diễn đàn trực tuyến.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

3.12. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 1 (08024)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 2, người học có kiến thức về từ vựng liên quan đến tính từ miêu tả, từ vựng về du lịch, môi trường, nghề nghiệp; hiểu cách dùng câu điều kiện, so sánh hơn, so sánh nhất, mệnh đề quan hệ, thì hiện tại hoàn thành, các động từ theo sau bởi động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing, cách dùng “used to” để diễn tả việc đã từng làm trong quá khứ. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc

hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến bản tin trên Tivi, phương tiện đi làm, các phát minh quan trọng, công việc; nghe các nhà thám hiểm nói về một số nơi đáng nhớ và nói về công việc của họ, một chuyên gia nói về cuộc hành trình của loài chim, một đoạn hội thoại về môi trường. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông điệp, một email, một bản tin, một hồ sơ xin việc làm.

Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

3.13. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: English 2 (08034)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 3, người học có kiến thức về từ vựng có liên quan đến chủ đề về sức khoẻ, căn bệnh, phim và TV, tính từ miêu tả cảm xúc, kỹ thuật; cách dùng câu điều kiện loại hai, phải "must, have to", nên "should", hiện tại hoàn thành, câu tường thuật, câu bị động, động từ khiếm khuyết. Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến cuộc sống mà không có sự đau đớn, hai câu chuyện kể dân gian, các loại phương tiện truyền thông xã hội và thử thách, nghệ thuật và công nghệ; nghe một nhà thám hiểm nói về sức khoẻ, những việc anh ta làm để giải trí, làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, công nghệ; nói về cách diễn tả lời từ chối, lời yêu cầu. Sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết viết nhật ký, bài bình luận, bài báo cáo.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022)

3.14. Thể dục và Điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thể dục Điền kinh, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra người học còn được rèn luyện các bài tập bổ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Điền kinh, (2018) - Nguyễn Anh Tuấn- NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

3.15. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng chuyền, (2019) - Nguyễn Việt Hòa - NXB TDTT.

3.16. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Cầu lông (2015) - Nguyễn Văn Đức - NXB TDTT.

3.17. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền Kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; người học được rèn luyện kỹ thuật chuyền cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Đá cầu, (2021) - Đào Thị Hoa Huỳnh - NXB ĐH Thái Nguyên.

3.18. Bóng rổ 1 (12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng rổ, (2016) - Nguyễn Văn Đức - NXB TDTT Hà Nội.

3.19. Bóng chuyền 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 2, người học hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyền làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng chuyền (2019) - Nguyễn Việt Hòa - NXB TDTT.

3.20. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Cầu lông, (2015) - Nguyễn Văn Đức - NXB TDTT.

3.21. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Đá cầu 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Đá cầu, (2021) - Đào Thị Hoa Huỳnh - NXB ĐH Thái Nguyên.

3.22. Bóng rổ 2 (12461)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 2, người học hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; người học rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Giáo trình Bóng rổ (2016) - Nguyễn Văn Đức - NXB TDTT Hà Nội.

3.23. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

a) Giáo dục quốc phòng I (12813)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng I, người học được trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; thực hiện tốt đường lối, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh.* (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB. Giáo dục Việt Nam.

b) Giáo dục quốc phòng II (12922)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết:

- Mô tả học phần

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng II, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay như Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; vấn đề an toàn thông tin và phòng chống

vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB. Giáo dục Việt Nam.

c) Giáo dục quốc phòng III (12931)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng III, người học thực hiện được chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại trong quân đội; thực hiện được Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam.

d) Giáo dục quốc phòng IV (12942)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 60, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng IV, người học có được kiến thức chung về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh (dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam.

3.24. Tổng quan du lịch (72003)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch, khách du lịch và các khái niệm khác có liên quan đến hoạt động du lịch. Phân loại được các loại hình du lịch; biết được các đặc trưng của sản phẩm du lịch, đặc điểm tính tính thời vụ du lịch, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan (đồng chủ biên) (2022). *Nhập môn khoa học du lịch*. NXB ĐHQG Hà Nội.

[2] Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Sinh (đồng chủ biên) (2015). *Giáo trình Tổng quan du lịch*. NXB Giáo dục Việt Nam.

3.25. Luật du lịch Việt Nam và đạo đức kinh doanh (73682)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Học phần tiên quyết: Không có

+ Học phần học trước: 71012 - Pháp luật đại cương

+ Học phần song hành: Không có

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những quy định chung; khách du lịch; tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và quy hoạch về du lịch; điểm du lịch, khu du lịch; kinh doanh du lịch; hướng dẫn viên du lịch; xúc tiến du lịch, quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; quản lý Nhà nước về du lịch...Người học biết và thực hiện đúng luật trong ngành Du lịch và đạo đức trong kinh doanh du lịch.

- Sách, giáo trình chính:

[1] Luật Du lịch 2017 (hiệu lực 01/01/2018) Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017.

[2] Nguyễn Mạnh Quân, *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2012

[3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), Bộ công cụ về du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam. Liên minh Châu Âu tài trợ: Dự án phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội

[4] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3.26. Tài nguyên và môi trường du lịch (73523)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 0, 10, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, những đặc điểm, ý nghĩa và vai trò của tài nguyên du lịch; môi trường và những mối quan hệ giữa du lịch và môi trường; Phân loại được các yếu tố tài nguyên du lịch và liên hệ được các loại tài nguyên du lịch địa phương, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2021). *Địa lý du lịch Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục.

[2] Nguyễn Minh Tuệ, 2023, Giáo trình "Địa lí du lịch - Cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam" , NXBGD.

[3] Đinh Đức Trường, Nguyễn Công Thành (2023), Giáo trình Quản lý tài

nguyên và môi trường, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

3.27. Tâm lý du khách (73613)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề của tâm lý học đại và những kiến thức về tâm lý khách du lịch như: Những hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến trong hoạt động du lịch; những yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của khách du lịch; đặc điểm tâm lý khách du lịch theo giới tính, độ tuổi, châu lục, quốc gia, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Đính (2025). *Giáo trình tâm lý du lịch*. NXB Bách khoa Hà Nội.

[2] Lê Thị Phương Hoa, Lê Thị Xuân Thu (2020). *Giáo trình tâm lý khách du lịch*. NXB Đại học Thái Nguyên.

[3] Nguyễn Đình Binh, Đào Minh Ngọc, Phạm Thị Thu Phương, Nguyễn Thùy Linh (2022). *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp trong du lịch*. NXB Đại học Bách khoa Hà Nội

3.28. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch (73622)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp như khái niệm giao tiếp; vai trò, các hình thức và phương tiện giao tiếp; các nguyên tắc giao tiếp; Nội dung chính trong các bước phục vụ người tiêu dùng du lịch, các bước ứng xử với những lời phàn nàn chê bai từ du khách. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên biết và vận dụng được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình,.. trong quá trình học tập và trong công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên) (2023). *Giáo trình kỹ năng giao tiếp.* NXB Tài chính.

[2] Chu Khánh Linh, Đỗ Ngọc Anh (2019). *Giáo trình giao tiếp du lịch*. NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM.

3.29. Kinh tế du lịch (73583)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, cơ sở vật chất và kỹ thuật trong du lịch, lao động trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch. Nhằm giúp cho người học có

kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ cung - cầu, các tác động, xu hướng trong du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong quản lý phát triển ngành du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa (2020). *Giáo trình Kinh tế du lịch*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

[2] Nguyễn Hồng Giáp (2020). *Kinh tế Du lịch*, Nhà xuất bản Trẻ.

3.30. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch (73603)

- Số tín chỉ: 3 TC (35,10,10, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện một dự án, đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung: Các vấn đề cơ bản trong NCKH trong lĩnh vực Du lịch, Nhà hàng, Khách sạn; nghiên cứu định lượng; nghiên cứu định tính; nghiên cứu tổng hợp; những vấn đề khác có liên quan đến nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.

- Sách, giáo trình chính:

[1] Nunkoo, R. (2018). *Handbook of Research Methods for Tourism and Hospitality Management*, NXB Elgar.

[2] Vũ Cao Đàm (2014). *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục.

3.31. Marketing du lịch (72063)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing du lịch và vai trò của marketing trong du lịch; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và các chiến lược về sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp của doanh nghiệp du lịch.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Nam Khánh Giao (2022). *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Thông tin và Truyền thông.

[2] Cao Trí Dũng (2022). *Phát triển sản phẩm du lịch vùng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.32. Tuyến điểm du lịch (73692)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vùng, miền du lịch Việt Nam và hệ thống các tuyến, điểm du lịch tiêu biểu theo các vùng du

lịch làm cơ sở xây dựng các chương trình du lịch.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Thị Hải Yến (2023). *Tuyến điểm du lịch Việt Nam.* NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Nguyễn Công Hoan (2021), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam.* NXB Trường Đại học Tài chính - Marketing, Tp. HCM

3.33. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (73543)

- Số tín chỉ: 3 TC (35, 10, 10, 0, 0)

- Học phần học trước: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về du lịch, kinh doanh lữ hành, chương trình du lịch; các yếu tố chính hình thành nên chương trình du lịch, quy trình thiết kế, tính giá và tổ chức điều hành chương trình du lịch; dự tính trước những rủi ro và phương hướng giải quyết những tình huống phát sinh thường gặp trong quá trình điều hành chương trình du lịch,...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Nam Khánh Giao (chủ biên) (2020). *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*. NXB Thống kê.

[2] Lê Thái Sơn, Bùi Vũ Lương và nhóm tác giả (2023), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,* NXB Thông tin và Truyền thông.

3.34. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (72463)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 10, 20, 0, 0)

- Học phần học trước: Tuyến điểm du lịch

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn du lịch, đặc điểm, nhiệm vụ, vai trò của hướng dẫn viên; những phẩm chất, năng lực cần có của hướng dẫn viên; quy trình thực hiện chương trình du lịch và phục vụ khách của hướng dẫn viên, những tình huống phát sinh thường gặp trong quá trình tổ chức phục vụ khách...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Thái Sơn, Bùi Vũ Lương và nhóm tác giả (2023), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,* NXB Thông tin và Truyền thông.

[2] Tổng cục du lịch Việt Nam (2015), Tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam Hướng dẫn du lịch, NXB Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.35. Quản trị kinh doanh lữ hành (72403)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Thiết kế và điều hành chương trình du lịch.

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của ngành kinh doanh lữ hành; xu hướng của kinh doanh lữ hành hiện nay; định nghĩa và phân loại kinh doanh lữ hành, hệ thống sản phẩm, thị trường khách của kinh doanh lữ hành, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Nam Khánh Giao (chủ biên) (2020). *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*. NXB Thống kê.

[2] Lê Hồ Quốc Khánh (2019). *Giáo trình nghiệp vụ lữ hành*. Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM

3.36. Văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới (73313)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam A

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực, nét đặc trưng, độc đáo của văn hóa ẩm thực Việt Nam trong du lịch; tập quán và khẩu vị ăn uống; các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán, khẩu vị ăn uống của Việt Nam; phân biệt được các loại bữa ăn, tiệc trong ẩm thực Việt và du lịch Việt Nam, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đào Minh Ngọc và Phạm Thị Thu Phương, *Giáo trình Văn hóa ẩm thực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023.

[2] Nguyễn Thị Diệu Thảo, *Văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới*, Nhà xuất bản Phụ nữ, 2020.

[3] Võ Thị Thu Hà, Bùi Thị Hồng Hoa, Hoàng Thị Mỹ, *Giáo trình văn hoá ẩm thực Việt Nam*, ĐHQG HN, 2022.

3.37. Nghiệp vụ lễ tân (72043)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 10, 20, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lễ tân và các quy định chung của lễ tân trong khách sạn; các quy trình phục vụ của lễ tân từ lúc khách đến đặt buồng (phòng) cho đến khi khách rời khách sạn, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Thị Thu Cúc, *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ lễ tân*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2015.

[2] Nguyễn Thị Tú, *Giáo trình quản trị lễ tân* NXB Thống kê, 2021.

[3] Tổng cục Du lịch, Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch Việt Nam. *Tiêu chuẩn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS)*, NXB Lao động, 2013.

3.38. Nghiệp vụ buồng (72052)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về buồng ngủ, phục vụ buồng trong khách sạn, hiểu được những quy định và các quy trình phục vụ; thực hiện vệ sinh buồng (phòng) từ khi khách đến nhận buồng cho đến khi khách rời khách sạn, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phan Mai Thu Thảo, Vũ Thị Bích Phượng, *Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ buồng*, NXB Hà Nội, 2014.

[2] Huỳnh Văn Hải, Giáo trình *Nghiệp vụ phục vụ buồng khách sạn,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2015.

[3] Tổng cục Du lịch, Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch Việt Nam, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS)*. NXB Lao động, 2013.

3.39. Quản trị nhân lực du lịch (73553)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân sự và nhân lực, vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong du lịch; cách xây dựng bảng mô tả công việc, thu hút và tuyển dụng nhân sự, đào tạo, đánh giá và phát triển nhân lực trong du lịch.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Kim Dung, Trần Trọng Thùy (2023). *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Tài chính.

[2] Hà Nam Khánh Giao (chủ biên) (2020). *Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành*. NXB Thống kê.

3.40. Quản trị nhà hàng - khách sạn (72614)

- Số tín chỉ: 4 TC (35, 10, 40, 0, 0)

- Học phần học trước: 72043 - Nghiệp vụ lễ tân, 72052 - **N**ghiệp vụ buồng

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh doanh nhà hàng - khách sạn, các thành phần cấu thành của hoạt động kinh doanh, các chức năng quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn; các hoạt động tổ chức quản lí kinh doanh các dịch vụ của nhà hàng - khách sạn; tài chính và hiệu quả kinh tế của trong doanh nghiệp nhà hàng - khách sạn, ...

- Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Văn Mạnh (2013). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐHKTQD.

[2] Ngô Xuân Hào, Nguyễn Quyết Thắng (2018), Giáo trình *Quản trị khách sạn*, NXB TP. HCM.

[3] Hà Nam Khánh Giao; Đoàn Quang Đồng, Huỳnh Diệp Trâm Anh (2021), Giáo trình quản trị cơ sở lưu trú du lịch, NXB Tài chính.

[4] Tổng cục Du lịch, Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch Việt Nam (2013). *Tiêu chuẩn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS)*. NXB Lao động.

3.41. Tổ chức sự kiện và lễ hội (73653)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần giúp sinh viên bày được những nội dung cơ bản về khái niệm quản trị, sự kiện; phân loại sự kiện; những tác động của sự kiện đến văn hóa, xã hội, môi trường, chính trị, kinh tế và du lịch.

Phân tích được ý nghĩa, giá trị của việc tổ chức sự kiện; nắm được quy trình, vai trò của công tác hậu cần, biết cách dàn dựng các bước diễn ra của sự kiện: chuẩn bị, khai mạc, đánh giá và kết thúc sự kiện.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lưu Văn Nghiêm (2020). *Tổ chức sự kiện*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[2] Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2020). *Tổ chức sự kiện và lễ hội*. NXB Lao động Xã hội.

3.42. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch (73563)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị kinh doanh lữ hành

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược tổ chức du lịch như: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, lựa chọn, xây dựng, thực thi và kiểm tra chiến lược,...

- Tài liệu tham khảo chính:

Hà Nam Khánh Giao (Chủ biên) (2021). *Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch*. NXB Tài chính.

3.43. Thương mại điện tử trong du lịch (73572)

- Số tín chỉ: 2 TC (20, 0, 20, 0, 0)

- Học phần học trước: Không

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về Thương mại điện tử, ứng dụng, công cụ giao dịch trong Thương mại điện tử, marketing điện tử, quy định có liên quan; những thành tựu trong lĩnh vực công nghệ số, những ứng dụng của chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn; các năng lực cần được trang bị để quản lý doanh nghiệp du lịch số, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

Bùi Văn Danh (2024), *Nhập môn Thương mại điện tử,* NXB Tài chính.

- Tài liệu tham khảo:

Hoàng Thị Phương Thảo (chủ biên) (2021), *Thương Mại Điện Tử*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3.44. Kế toán chuyên ngành du lịch (73702)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Nội dung như sau: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thông tin kế toán và đưa ra quyết định, phán đoán thích hợp nhằm thu hút khách sử dụng các dịch vụ du lịch, đảm bảo động của các doanh nghiệp du lịch hiệu quả, góp phần tăng khả năng thu hút khách và nâng cao hiệu quả kinh doanh của dịch vụ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Vũ Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Thanh Phương, Hà Thị Thúy Vân. Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, NXB Tài Chính, 2020.

[2] Huỳnh Thị Ngọc Phượng, Phạm Trần Ngọc Hương và Nguyễn Minh Nhã, Tài liệu giảng dạy Kế toán tài chính 2, Trường Đại học Tiền Giang, 2023.

3.45. Du lịch cộng đồng (73732)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, về du lịch cộng đồng như khái niệm, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển du lịch cộng đồng. Đặc biệt, học giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển du lịch cộng đồng, tổ chức kinh doanh hiệu quả. Ngoài ra giúp người học nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn du lịch cộng đồng tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Tân (2025). *Phát triển du lịch cộng đồng*. NXB Hà Nội.

[2] Bùi Thị Hải Yến (2022). *Du lịch cộng đồng*. NXB Giáo dục Việt Nam.

3.46. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1 (07604)

- Số tín chỉ: 4 TC (50, 10, 10, 0, 0)

- Học phần học trước: English 3 hoặc tương đương.

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về từ vựng, cách diễn đạt, thuật ngữ chuyên ngành du lịch, rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh chuyên ngành du lịch, vận dụng tiếng Anh trong lĩnh vực lữ hành, vận chuyển và lưu trú. Nội dung cụ thể bao gồm:

Part 1: Before the trip

Part 2: At the airport

Part 3: Being on board

Part 4: Arrival

Part 5: Accommodation

Part 6: Transportation

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Cheng, K. & Mckimm, O. (2016). *Specialized English for Tourism*. NXB Tổng hợp TP. HCM.

[2] Lê Huy Khoa & Võ Thụy Nhật Minh, (2023). 600 từ vựng chuyên ngành Du lịch, khách sạn nhà hàng (Anh - Việt Hàn). NXB Tổng hợp TP. HCM.

[3] Phillips, T. (2008). *English for Tourism and Hospitality*, NXB Garnet.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Levin, F. & Tinsley, P. (2016). *English for Tourism and Restaurant.* NXB Tổng hợp Tp.HCM

[2] Tri Thức Việt (2021). Tự học đàm thoại tiếng Anh Du lịch, NXB Hồng đức.

3.47. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2 (07614)

- Số tín chỉ: 4 TC (45, 20, 10, 0, 0)

- Học phần học trước: Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh chuyên ngành du lịch đối với các chủ đề về nhà hàng, mua sắm, giải trí, giao tiếp và giải quyết vấn đề. Nội dung như sau:

Part 7. Restaurants

Part 8: Shopping

Part 9: Entertainment

Part 10. Communication

Part 11: Problem Solving

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Cheng, K. & Mckimm, O. (2016). *Specialized English for Tourism*. NXB Tổng hợp TP. HCM.

[2] Morris, C. (2017). F*lash on English for Tourism*. ELI Publishing.

- Tài liệu tham khảo:

Phillips, T. (2008). En*glish for Tourism and Hospitality*, NXB Garnet 2008.

3.48. Văn hóa du lịch (72272)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về văn hóa, văn hóa du lịch, các loại hình văn hóa được khai thác trong du lịch và các phương thức, giải pháp nhằm hạn chế sự ảnh hưởng tiêu cực khi khai thác các giá trị văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch. Nội dung gồm: Những vấn đề chung về văn hóa;Tiến trình văn hóa và các nền văn hóa cổ ở Việt Nam; Văn hóa tâm linh; Văn hóa lễ hội và Làng nghề; Văn hóa ẩm thực ; Các loại hình nghệ thuật; Văn hóa du lịch trong phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phan Huy Xu - Võ Văn Thành (2016) , *Bàn về Văn hóa Du lịch Việt Nam*, NXB Tổng Hợp.

[2] Nguyễn Phạm Hùng (2019), *Văn hóa Du lịc*h, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.49. Phong tục và lễ hội Việt Nam (04372)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: không

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần này sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản như sau: các phong tục, lễ tết và lễ hội Việt Nam; phương pháp tiếp cận để sinh viên có thể tự mình tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu các phong tục, lễ tết và lễ hội Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Phương (2022), Luật Tín Ngưỡng, Tôn Giáo & Văn Hóa Lễ Hội Truyền Thống Của Người Việt, Nhà xuất bản Lao Động, Hà Nội.

[2] Nguyễn Phương (2020), Tìm Hiểu Văn Hóa Lễ Hôi Truyền Thống Của Người Việt, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

3.50. Địa lý Việt Nam (73722)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên nhiên và con người Việt Nam, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế chủ yếu: công nghiệp,

nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ; tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế của Việt Nam: vùng Đông Bắc, vùng Tây Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung bộ, Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, vùng Tây nguyên, vùng Đông Nam bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức, 2023, Giáo trình địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam, (tái bản lần 3), NXBGD.

3.51. Phát triển sản phẩm du lịch (73752)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản phẩm du lịch đặc thù của các vùng miền. Bên cạnh đó là những kiến thức về thị trường du lịch và những hành vi của khách du lịch trong giai đoạn mới. Qua đó, sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Việt Nam nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh của địa phương/quốc gia theo hướng phát triển bền vững.

- Sách, giáo trình tham khảo:

[1] Cao Trí Dũng (2022). *Phát triển sản phẩm du lịch vùng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Hà Nam Khánh Giao (2022). *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Thông tin và Truyền thông.

3.52. Marketing nhà hàng - khách sạn (73772)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing trong lĩnh vực nhà hàng-khách sạn và các chiến lược về sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến hỗn hợp phù hợp cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ về ăn uống, lưu trú.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Cao Trí Dũng (2022). *Phát triển sản phẩm du lịch vùng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Hà Nam Khánh Giao (2022). *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Thông tin và Truyền thông.

3. 53. Phương pháp xây dựng thực đơn (73742)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tập quán, thông lệ trong hoạt động ăn uống của Phương Đông và Phương Tây cùng các kiến thức cơ bản về thực đơn như khái niệm, phân loại thực đơn, cấu trúc, ngôn ngữ, cách

trình bày thực đơn và các nguyên tắc, căn cứ khi xây dựng thực đơn; giới thiệu khá chi tiết về cách chọn món ăn, đồ ăn uống cho thực đơn, cách tính toán giá thành, giá bán món ăn và thực đơn; các bước xây dựng các loại thực đơn cơ bản cho các nhà hàng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hoàng Minh Khang - Đỗ Việt Cường (Đồng chủ biên) (2019). *Giáo trình Xây dựng thực đơn*. NXB Lao động.

[2] Tổng cục Du lịch, Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch Việt Nam (2013). *Tiêu chuẩn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS)*. NXB Lao động.

3.54. Quản trị thực phẩm đồ uống (73782)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị thực phẩm và đồ uống như: khái quát về quản trị thực phẩm và đồ uống; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật, quản trị mua hàng, dự trữ, sản xuất, chế biến và tổ chức tiêu thụ sản phẩm ăn uống. Hình thành kỹ năng hoạch định, triển khai các tác nghiệp và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ cơ bản tại bộ phận thực phẩm và đồ uống.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tổng cục Du lịch, Hội đồng cấp chứng chỉ Nghiệp vụ du lịch Việt Nam (2013). *Tiêu chuẩn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Tiêu chuẩn VTOS)*. NXB Lao động.

[2] Nguyễn Văn Mạnh (2013). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, NXB ĐHKTQD.

3.55. Quản trị resort và khu vui chơi giải trí (73792)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Trang bị những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị khu nghỉ dưỡng; Tổng quan về quản trị khu nghỉ dưỡng; Cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng; Quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng; Quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng; Quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

Hồ Huy Tựu, Lê Chí Công (2015). *Đại cương quản trị khu nghỉ dưỡng*. NXB Đại học Kinh **tế** Quốc dân.

3.56. Y tế trong du lịch (72692)

- Số tín chỉ: 2 TC (20, 0, 20, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấp cứu ban đầu: các trường hợp cấp cứu, phân loại, dấu hiệu, triệu chứng, mức độ nguy hiểm, mục đích, nguyên tắc xử trí cấp cứu; tầm quan trọng của cấp cứu ban đầu trong từng trường hợp cấp cứu cụ thể, ...

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tra cứu thuốc thông dụng và biệt dược, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2013.

[2] Hồng Xuân Trường (2021), Y tế cộng đồng, NXB Y học.

3.57. Team building và hoạt náo (73762)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết khái quát về các kỹ năng bổ trợ kỹ năng hoạt náo, kỹ năng tổ chức các trò chơi vận động theo đội nhóm và kỹ năng tổ chức Gala Dinner

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Thái Sơn, Bùi Vũ Lương và nhóm tác giả (2023), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,* NXB Thông tin và Truyền thông.

[2] Lại Thế Luyện (chủ biên) (2021). *Kỹ Năng thuyết trình và Làm việc nhóm. NXB* Trường Đại học Tài chính - Marketing.

3.58. Khởi sự doanh nghiệp trong du lịch (73662)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết khái quát về doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, sản phẩm kinh doanh và khởi nghiệp. Xác định được ý tưởng kinh doanh; hồ sơ đăng ký kinh doanh; thuế, hóa đơn giá trị gia tăng. Xây dựng được mô hình tổ chức doanh nghiệp: tên doanh nghiệp, triết lý kinh doanh, cơ cấu tổ chức, tổ chức nhân sự, huy động và sử dụng nguồn vốn. Và xây dựng được kế hoạch, chiến lược kinh doanh và dự đoán những rủi ro trong kinh doanh cho doanh nghiệp

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Field, R. (2020). *Cẩm nang mở nhà hàng*. NXB Thế giới.

[2] Nguyễn Ngọc Huyền & Ngô Thị Nguyệt Nga (2020). *Khởi sự kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân

Tài liệu tham khảo.

[1] Trần Xuân Mới (2019). *Đầu tư kinh doanh khách sạn có hiệu quả*. NXB Thanh niên.

[2] Phạm Văn Trung (2013). *Giáo trình Khởi sự doanh nghiệp*, NXB Giao

thông vận tải.

[3] Nguyễn Ngọc Huyền (2011). *Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệ*p. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

3.59. Bảo tồn di sản Việt Nam (73712)

- Số tín chỉ: 2 TC (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về các di sản văn hóa Việt Nam, vai trò, ý nghĩa của các di sản Việt Nam và hiện trạng khai thác và một số giải pháp đẩy mạnh việc bảo tồn các di sản ở nước ta.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Kim Loan, Nguyễn Trường Tân (2017). *Bảo Tồn Và Phát Huy Di Sản Văn Hóa Việt Nam*. NXB Văn hóa - Thông tin.

[2] Nguyễn Thịnh (2012). *Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề về quản lý bảo tồn*. NXB Xây dựng.

3.60. Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch (73642)

- Số tín chỉ: 2 (25, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức về nhận dạng, phân tích, đo lường, kiểm soát và quản lý rủi ro trong hoạt động du lịch. Sinh viên nhận dạng, dự báo được các rủi ro và lập kế hoạch quản lý phù hợp..

- Sách, giáo trình chính:

Robertson D., Kean I. & Moore S., (2021). *Quản lý rủi ro du lịch*, APEC.

3.61. Thực tế 1 (73501)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 0, 45, 0)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những địa danh du lịch, giúp người học có cái nhìn khái quát về du lịch; nâng cao kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng mềm thông qua hoạt động thực tiễn trong chuyến đi thực tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Công ty cổ phần sách Trí Thức Việt (2022). *Non nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành*. NXB Hồng Đức.

[2] Bùi Thị Hải Yến (2021). *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*. NXB Giáo Dục Việt Nam.

3.62. Thực tế 2 (73511)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 0, 45, 0)

- Học phần học trước: Thực tế 1

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành đã học; Tham quan, khảo sát các địa điểm du lịch, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam, các hệ thống cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, … tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Thu Hương, Phạm Thị Vân Anh, Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, NXB Đại học Công Nghiệp Hà Nội, 2017.

[2] Bùi Thị Hải Yến (2021). *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*. NXB Giáo Dục Việt Nam.

[3] Công ty cổ phần sách Trí Thức Việt (2022). *Non nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành*. NXB Hồng Đức.

3.63. Thực tế 3 (73602)

- Số tín chỉ: 2 TC (0, 0, 0, 90, 0)

- Học phần học trước: Thực tế 2 (73511)

- Mô tả:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyên ngành đã học; Tham quan, khảo sát các địa điểm du lịch, tìm hiểu những di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Các hệ thống cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, … trong tour tuyến thực tế, ... Đồng thời giúp người học tham gia thực hành kiến thức chuyên môn đã học.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Công ty cổ phần sách Trí Thức Việt (2022). *Non nước Việt Nam 63 Tỉnh Thành*. NXB Hồng Đức.

[2] Bùi Thị Hải Yến (2023). *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*. NXB Giáo Dục Việt Nam.

3.64. Thực tập nghề nghiệp 1 (72703)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 135, 0)

- Mô tả:

Học phần sẽ được thực hiện tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn - nhà hàng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

3.65. Thực tập nghề nghiệp 2 (72713)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 135, 0)

- Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp 1

- Mô tả:

Học phần sẽ được thực hiện tiếp tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn - nhà hàng sau khi hoàn thành thực tập nghề nghiệp 1 để tiếp tục rèn luyện, rút kinh nghiệm và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Sách, giáo trình chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

3.66. Thực tập chuyên đề cuối khóa (72944)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 0, 180)

- Điều kiện tiên quyết:

+ Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định trong CTĐT; Thực tập nghề nghiệp 2 (72923)

+ Học phần song hành: Chuyên đề

- Mô tả học phần:

Học phần này giúp sinh viên củng cố và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp cụ thể. Sinh viên làm việc theo nhóm tối đa 5 thành viên và bảo vệ báo cáo trước Hội đồng.

- Tài liệu tham khảo chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

3.67. Chuyên đề (72952)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định trong CTĐT.

+ Học phần song hành: Thực tập chuyên đề cuối khóa.

- Mô tả học phần:

Học phần này cập nhật, củng cố kiến thức về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội có liên quan để du lịch có thể vận hành trong trong điều kiện hiện tại và đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

- Tài liệu tham khảo chính:

Tham khảo tài liệu, thông tin tại các website, báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổ chức Du lịch Thế giới.

3.68. Khóa luận cuối khóa (Du lịch) (72966)

- Số tín chỉ: 6 TC (0, 0, 0, 0, 360)

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn tất 75% số tín chỉ tích lũy tối thiểu quy định trong CTĐT; Thực tập nghề nghiệp 2 (72713)

+ Học phần song hành: Chuyên đề tốt nghiệp và Chuyên đề

- Mô tả học phần:

Học phần này giúp sinh viên củng cố và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp cụ thể. Sinh viên sẽ làm việc cá nhân và bảo vệ khóa luận trước Hội đồng.

- Tài liệu tham khảo chính:

Sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo của các học phần đã học từ các học kỳ trước.

3.69. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng "some, any, much, many, a lot of, a little, a few", mạo từ "a, an, the", cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng "too, enough" và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook.* 2nd Edition. Oxford University Press.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn

hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2] Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook.* 2nd Edition. Oxford University Press.

4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	*Thuyết trình* *Giảng bài* *Câu hỏi gợi ý* *Trình bày mẫu*
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	*Tranh luận* *Thảo luận* *Giải quyết vấn đề* *Học tập nhóm* *Tương tác, phản hồi*
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	*Luyện tập kỹ năng* *Thực hành, thí nghiệm* *Làm việc nhóm* *Mô phỏng* *Mô hình*
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	*Thực tế* *Các cuộc thi* *Mô phỏng* *Mô hình*
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	*Sáng tác* *Thiết kế* *Dự án nghiên cứu* *Đồ án* *Tiểu luận, khóa luận*

Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	*Nghiên cứu tài liệu* *Nghiên cứu tình huống* *Xây dựng ý tưởng* *Rèn luyện*

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra		
		Kiến thức	**Kỹ năng**	**Mức tự chủ và trách nhiệm**
I	**Đánh giá quá trình**			
1	Đánh giá qua mức độ chuyên cần		X	X
2	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ cá nhân (tự học, kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, thực hành) trên lớp)	X	X	X
3	Đánh giá qua kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhóm (bài báo cáo, thuyết trình)	X	X	X
II	**Đánh giá cuối kỳ**			
1	Thi kết thúc học phần	X	X	
2	Tiểu luận môn học	X	X	X
3	Thực tập và báo cáo khóa luận/chuyên đề	X	X	X

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

Các công ty lữ hành, nhà hàng, khách sạn trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp.

Một số cơ sở thực tập tiêu biểu, điển hình như:

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Công ty TNHH truyền thông du lịch Mahalo	Tầng 3, tòa nhà An Phú Plaza, 117 -119 Lý Chính Thắng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
2	Golden Smile Travel	631 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, TP. HCM
3	Khu sinh thái Việt Nhật Bến Tre	Ấp Tân Phú, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long
4	Công ty CP và Tiếp thị GTVT - VIETRAVEL - Chi nhánh Cần Thơ.	Số 103, Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Cần Thơ
5	Nhà khách Đồng Tháp	Số 6C Rạch Gầm, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
6	Khách sạn Lạc Hồng	Số 67 đường 30/4 phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
7	Khách sạn Cửu Long	Số 83 - 87 đường 30/4 phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
8	Khách sạn MêKông Mỹ Tho Tiền Giang	Số 1A Tết Mậu Thân, phường Đạo Thạnh, Đồng Tháp
9	Công ty Cổ phần Vinpearl Phú Quốc	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Phú Quốc, An Giang

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 226.882,5 m^2

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 12,34 m^2/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 76.592,515 m^2 /6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	113	11.744
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	1.731
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	954

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	31	3.715
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.971
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	288
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập, ...	51	6.873
Tổng:		**165**	**22.858**

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Du lịch:

STT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m^2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng thực hành Du lịch (B 515)	01	128	kèm theo file đính kèm		- Nghiệp vụ lễ tân - Quản trị nhà hàng, khách sạn - Văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới - Quản trị thực phẩm đồ uống
3	Phòng máy vi tính	05	250	Máy vi tính	200	- Kỹ năng số - Tin học cơ bản - Tin học ứng dụng chuyên ngành du lịch - Thương mại điện tử trong du lịch - Phương pháp NCKH trong du lịch

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy chương trình ngành Du lịch

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Nguyễn Thanh Trang	Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ Du lịch	Du lịch

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
2	Nguyễn Minh Nhã	Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ Kế toán	Kế toán
3	Lê Thị Son	Trưởng khoa	Tiến sĩ triết học	Triết học (CNDVBC& CNDVLS)
4	Dương Văn Hiếu	Trưởng khoa	Tiến sĩ Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
5	Võ Văn Sơn	Giảng viên chính	Tiến sĩ Văn hóa học	Văn hóa học
6	Hồ Đoàn Thùy Mỹ Châu	Giảng viên chính	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch
7	Lê Minh Thiên	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị du lịch-NHKS	Quản trị du lịch - NHKS
8	Võ Thị Ngọc Giàu	Giảng viên	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch
9	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	Giảng viên	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch
10	Phan Thị Khánh Đoan	Giảng viên chính	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch
11	Phùng Quang Thái	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị DV DL&LH	Quản trị DV DL & LH
12	Hồ Ánh Xuân	Giảng viên	Thạc sĩ Văn hóa học	Ngôn ngữ ứng dụng
13	Nguyễn Giang Lam	Giảng viên chính	Thạc sĩ Tâm lí	Tâm lí học
14	Đặng Nguyễn Hoàng Hải	Giảng viên	Thạc sĩ công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Trung Ngôn	Giảng viên	Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
16	Trần Thị Nhật Thanh	Giảng viên	Thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
17	Lê Thị Trúc Mai	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán
18	Nguyễn Hoàng Thơ	Giảng viên	Thạc sĩ Kế toán	Kế toán

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
19	Võ Thị Thu Thảo	Giảng viên chính	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
20	Trần Thị Bích Tuyền	Giảng viên	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
21	Nguyễn Thị Anh Thư	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
22	Nguyễn Võ Hữu Trí	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
23	Nguyễn Thị Thùy Trang	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
24	Huỳnh Thị Lệ Hoa	Giảng viên	Thạc sĩ Luật hiến pháp và luật hành chính	Luật hiến pháp và luật hành chính
25	Nguyễn Thị Băng Tuyền	Giảng viên chính	Thạc sĩ Luật kinh tế	Luật kinh tế
26	Trần Huỳnh Thị Hương Lan	Giảng viên chính	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
27	Đoàn Minh Nguyệt	Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ Luật kinh tế	Luật kinh tế
28	Nguyễn Thị Phương Linh	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Khoa học máy tính
29	Ngô Thị Loan	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Khoa học máy tính
30	Từ Thị Trừ	Giảng viên	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin
31	Trần Huy Long	Phó Giám đốc	Thạc sĩ Rà soát số liệu và quản lí tri thức	Rà soát số liệu và quản lí tri thức
32	Nguyễn Văn Nối	Giảng viên	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
33	Lâm Hoàng Tuyến	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
34	Lý Thiên Trang	Phó Trưởng bộ môn	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Khoa học máy tính

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
35	Phan Ngọc Duyên	Giảng viên	Thạc sĩ Khoa học Môi trường	Khoa học Môi trường
36	Bùi Thị Nhật Tuyền	Phó Trưởng bộ môn	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
37	Cao Thị Tuyết Loan	Phó Trưởng bộ môn	Thạc sĩ Triết học	Triết học
38	Võ Thị Bảo Trân	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
39	Võ Thị Diệu	Giảng viên	Thạc sĩ Chính trị học	Chính trị học
40	Nguyễn Trung Hiếu	Giảng viên chính	Thạc sĩ Triết học	Triết học
41	Lê Quốc Việt	Giảng viên	Thạc sĩ Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
42	Nguyễn Ngọc Khánh	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế học	Kinh tế học
43	Võ Thị Thủy Vẫn	Giảng viên	Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp	Kinh tế Nông nghiệp
44	Nguyễn Kim Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
45	Phùng Thụy Nguyệt Quế	Giảng viên	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
46	Ngô Thanh Phong	Giảng viên chính	Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp
47	Trương Quang Dũng	Giảng viên	Thạc sĩ Ngôn ngữ ứng dụng	Ngôn ngữ ứng dụng

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Nguyễn Thanh Loan		Thạc sỹ	Y học
2	Nguyễn Phúc Nghiệp		TS. Lịch sử	Lịch sử
3	Mai Mỹ Duyên		TS. Văn hóa học	Văn hóa học

c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Phan Thị Khánh Đoan	Giảng viên chính	Thạc sĩ Du lịch	Du lịch

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDDT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Chương trình môn học tiếng Anh: Sinh viên phải đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành tại Quyết định số 529/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

10.2. Thông tin kiểm định

CTĐT đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo ban hành, được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT năm 2024.

PHỤ LỤC I:

SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC CTĐT ĐH NGÀNH DU LỊCH

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Du Lịch

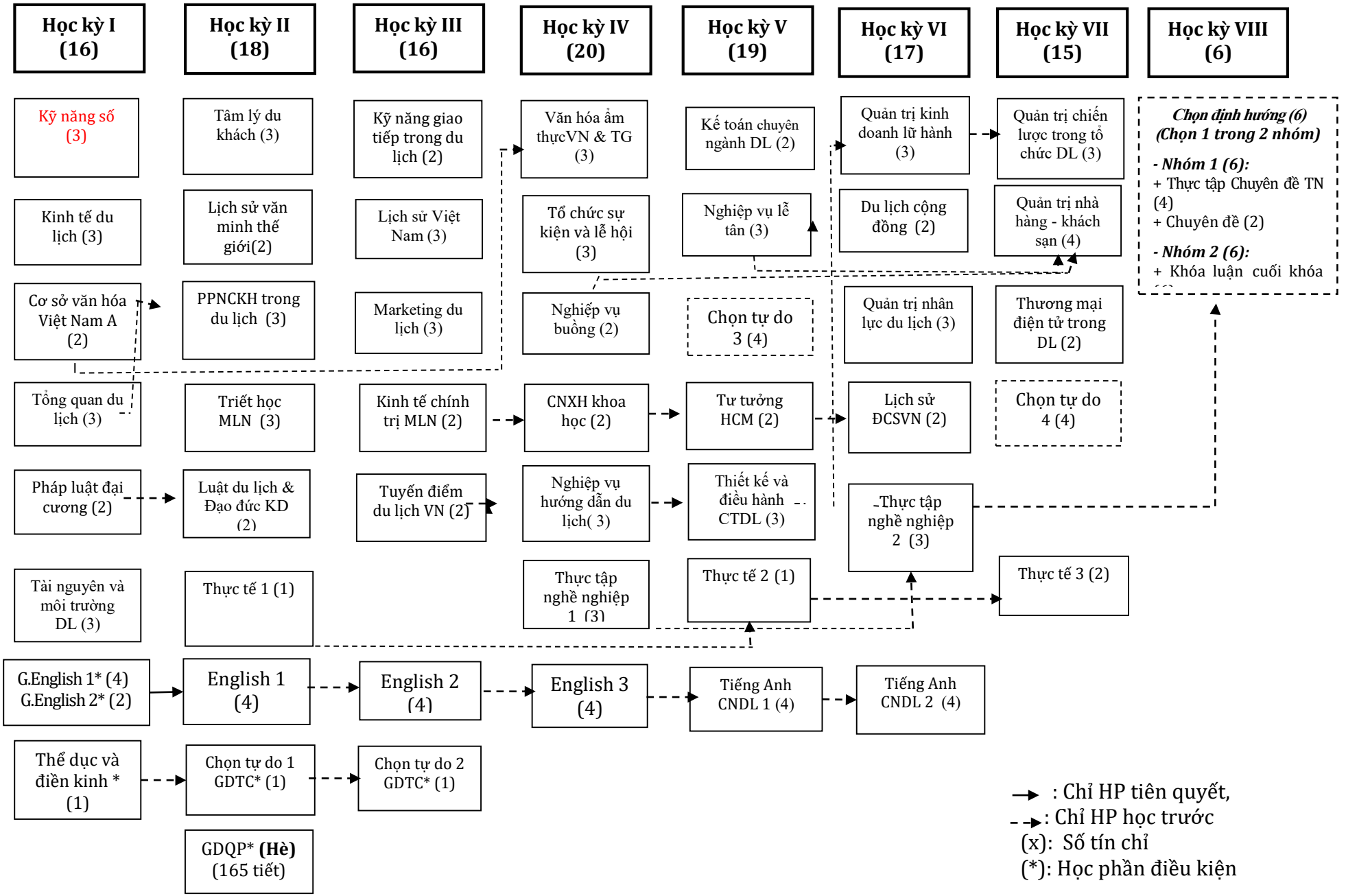

PHỤ LỤC II:

MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
I	1	73583	Kinh tế du lịch	x	x			x	x		x	x	x	x	
	2	30093	Kỹ năng số	x						x			x		
	3	72003	Tổng quan du lịch		x		x				x	x	x		x
	4	05022	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x	x		x		x			x	x		
	5	71012	Pháp luật đại cương	x											
	6	12371	Thể dục và điền kinh*												x
	7	73523	Tài nguyên và môi trường du lịch	x	x		x		x		x		x	x	x
II	8	00033	Triết học Mác-Lênin	x											
	9	08024	English 1							x					
	10	06022	Lịch sử văn minh thế giới	x	x										
	11	73613	Tâm lí du khách		x				x		x		x		
	12	73682	Luật du lịch & Đạo đức kinh doanh Việt Nam		x			x	x				x		

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
	13	73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch		x				x		x		x	x	x
	14	12391	Bóng chuyền 1*												x
	15	12401	Cầu lông 1*												x
	16	12271	Đá cầu 1*												x
	17	12411	Bóng rổ 1*												x
	18		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x											x
	19	73501	Thực tế 1		x		x		x		x		x		
III	20	6053	Lịch sử Việt Nam		x									x	x
	21	73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch		x						x		x		x
	22	72063	Marketing du lịch		x	x	x		x		x		x		x
	23	73692	Tuyến điểm du lịch				x				x		x		
	24	01202	Kinh tế chính trị Mac – Lênin	x											
	25	08034	English 2							x					
	26	12441	Bóng chuyền 2*												x

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
	27	12481	Cầu lông 2*												x
	28	12281	Đá cầu 2*												x
	29	12461	Bóng rổ 2*												x
IV	30	73313	Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Thế giới	x	X	x	X		x		x		x	x	x
	31	72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch		x	x	x		x		x		x		
	32	72052	Nghiệp vụ buồng			x		x	x				x		x
	33	73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	x	x			x	x			x	x		
	34	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x											
	35	72703	Thực tập nghề nghiệp 1				X	x	x	x			x		
	36	08044	English 3							x					
	37	72043	Nghiệp vụ lễ tân			x		x	x		x			x	x
	38	73544	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch		x		x	x				x	x		
	39	03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x											
	40	72272	Văn hóa du lịch		x	x			x						x

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
	41	4372	Phong tục và lễ hội Việt Nam		x				x						x
	42	73722	Địa lí Việt Nam	x	x		x		x		x		x		x
	43	73752	Phát triển sản phẩm du lịch		x		x		x		x		x		x
	44	73772	Marketing nhà hàng - khách sạn			x	x		x		x		x		x
	45	73742	Phương pháp xây dựng thực đơn		x	x					x		x		x
	46	07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1		x	x				x			x	x	x
	47	73511	Thực tế 2		x	x	x		x				x		
VI	48	72403	Quản trị kinh doanh lữ hành				x	x			x	x	x		x
	49	73732	Du lịch cộng đồng				x		x		x				
	50	73553	Quản trị nhân lực du lịch					x	x		x		x		x
	51	03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x											
	52	72922	Thực tập nghề nghiệp 2				x	x	x	x	x	x	x		
	53	07614	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	x						x					
VII	54	73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch		x	x		x				x	x		x

HK	TT	Tên học phần		Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
	55	72613	Quản trị nhà hàng - khách sạn		X	x		x	x			x	x	x	x
	56	73572	Thương mại điện tử trong du lịch	x		x		x			x		x		
	57	73782	Quản trị thực phẩm đồ uống			x		x	x		x	x		x	
	58	73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí			x	x	x	x		x	x	x		x
	59	73712	Bảo tồn di sản Việt Nam		x				x				x		x
	60	73762	Team building và hoạt náo	x				x			x		x		
	61	73662	Khởi sự doanh nghiệp tổ chức du lịch					x				x	x	x	
	62	72692	Y tế trong du lịch	x					x						x
	63	73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch		x				x			x	x	x	
	64	73522	Thực tế 3		x	x	x		x		x	x	x		
VIII	65	72944	Thực tập chuyên đề cuối khóa		x	x		x	x		x	x	x	x	x
	66	72952	Chuyên đề		x			x	x		x		x		x
	67	72966	Khóa luận cuối khóa (DL)		x	x		x	x		x	x	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) *thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*